

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 20-6-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hồ Thị Hoa

Bà Trương Thị Như Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Hồng N_NĐ, sinh năm 1993. Địa chỉ: ấp MC, xã VKĐ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (*có mặt*).

- *Bị đơn:* Anh Quách Hải A_BĐ, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp MC, xã VKĐ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/11/2017, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Dương Thị Hồng N_NĐ trình bày và yêu cầu như sau:

Chị và anh A_BĐ cưới nhau năm 2011, sau khi cưới anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã VKĐ, huyện An Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ

chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh A_BĐ rất ham chơi cờ bạc, thường xuyên cầm cố tài sản trong nhà để lấy tiền đi chơi, không lo lắng công việc trong gia đình cũng như con cái, tất cả mọi việc đều do chị gánh vác, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh A_BĐ vẫn không sửa đổi, mỗi lần khuyên ngăn thì vợ chồng lại cãi nhau, chị đã cho anh A_BĐ rất nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng anh vẫn không thay đổi, nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2017 âm lịch cho đến nay.

Vợ chồng có một đứa con chung tên Quách Dương TV, sinh ngày 23/10/2012 hiện nay chị đang nuôi dưỡng, vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác.

Nay chị N_NĐ khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh A_BĐ; yêu cầu được nuôi dưỡng con Quách Dương TV sau khi ly hôn, không yêu cầu anh A_BĐ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh A_BĐ không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; phía bị đơn vắng mặt nên đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định, việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX cho chị N_NĐ ly hôn với anh A_BĐ; về con giao cho chị N_NĐ trực tiếp nuôi dưỡng, anh A_BĐ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N_NĐ không yêu cầu; về tài sản và nợ không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh A_BĐ đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh A_BĐ vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh A_BĐ.

[2] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh A_BĐ không có ý kiến phản đối và cũng không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Tòa án căn cứ vào chứng cứ thu thập được để giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N_NĐ và anh A_BĐ quen biết, tìm hiểu nhau trước và cưới nhau ngày 16/12/2011 âm lịch có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và được Ủy ban nhân dân xã VKĐ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (là nơi một trong hai người cư trú lúc đó) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/5/2012 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N_NĐ thấy rằng, trong quá trình chung sống chị N_NĐ và anh A_BĐ phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau vào tháng 9/2017 âm lịch cho đến nay. Qua xác minh tại nơi cư trú cho thấy mâu thuẫn của anh, chị không lớn, nhưng mâu thuẫn đã xảy ra một thời gian dài, nhưng anh chị vẫn không khắc phục được mà ngày càng trầm trọng hơn; nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh A_BĐ cờ bạc. Đồng thời anh, chị đã ly thân trong một thời gian nhưng các bên vẫn không hàn gắn được; khi Tòa án thông báo về yêu cầu ly hôn của chị N_NĐ thì anh A_BĐ không có ý kiến hay động tác gì để hàn gắn mà bỏ mặc; khi Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thì anh A_BĐ vắng mặt không tham dự. Việc anh A_BĐ không có ý kiến khi nguyên đơn xin ly hôn, không tham dự phiên hòa giải, phiên tòa vừa vi phạm nghĩa vụ bị đơn vừa đánh mất cơ hội hòa giải đoàn tụ tại Tòa án. Từ đó cho thấy giữa anh A_BĐ và chị N_NĐ mục đích hôn nhân đã không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị N_NĐ được ly hôn với anh A_BĐ.

[5] Về quan hệ nuôi con chung: Chị N_NĐ và anh A_BĐ có 01 đứa con chung tên Quách Dương TV, sinh ngày 23/10/2012, hiện nay chị N_NĐ đang nuôi dưỡng. Chị N_NĐ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, không yêu cầu anh A_BĐ cấp dưỡng nuôi con cùng chị; anh A_BĐ không thể hiện ý kiến hay phản đối gì đối với yêu cầu của chị N_NĐ. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu chị N_NĐ nêu ra về việc giao cho chị N_NĐ được tiếp tục nuôi dưỡng con là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về tài sản chung: Chị N_NĐ xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét đến.

[7] Về nợ chung: Chị N_NĐ xác định, vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét đến.

[8] Về án phí: Chị N_NĐ là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000đ tiền án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 56 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Thị Hồng N_NĐ và anh Quách Hải A_BĐ.

2- Về nuôi con chung: Giao cháu Quách Dương TV, sinh ngày 23/10/2012 cho chị Dương Thị Hồng N_NĐ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Quách Hải A_BĐ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3- Về tài sản và nợ: Không ai yêu cầu nên không xem xét.

4- Về án phí sơ thẩm: Chị Dương Thị Hồng N_NĐ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0008554 ngày 04/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, chị N_NĐ đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5- Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn chị N_NĐ, vắng mặt bị đơn anh A_BĐ. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20-6-2018); bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã VKĐ;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công

Lê Chí Công